TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số 20/2019/HNGĐ-PT
Ngày 10-9-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.
Các Thẩm phán: Bà Trịnh Cẩm Vân.
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2019/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2019/QĐ-PT ngày 05/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐ-PT ngày 23/8/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đào Thị O, sinh năm 1976
HKTT: KDC số ...., phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương;
Nơi ở hiện nay: Khu dân cư N, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2.Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1974. Có mặt.
Địa chỉ: Khu dân cư số ..., phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

3. Người kháng cáo: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1974. Có mặt.
Địa chỉ: Khu dân cư số..., phường B, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai của các đương sự và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị O và anh H kết hôn ngày 12/10/1995, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N nay là UBND phường B, thành phố Chí Linh. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống tại gia đình nhà anh H. Thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung

sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2010, vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn với lý do theo chị O trình bày anh Hiền chơi lô đề, cờ bạc, thêm nữa việc làm ăn kinh tế thua lỗ nên vợ chồng nợ nần nhiều phải bán nhà. Chị O đã khuyên can nhiều lần nhưng anh H vẫn không nghe chị, mà tự ý làm ăn kinh tế không được sự đồng ý của chị. Khi làm ăn thua lỗ, anh H lại về chửi bới, đánh đập chị. Năm 2010, mâu thuẫn vợ chồng nặng nề, căng thẳng, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở C và làm đơn xin ly hôn anh. Nhưng được sự hòa giải của hai bên gia đình, mặt khác anh H thể hiện sự ăn năn đã chặt đứt ngón tay thề với chị sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn về chung sống cùng anh Hiền nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2017, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do gia đình nợ nần nhiều, chị O muốn đi làm kinh tế nhưng anh H không cho phép. Vợ chồng có xảy ra xô xát, anh Hiền đã đánh đập chị. Chị Oánh không chịu được nên bỏ đi làm ăn xa, không nói cho anh H biết rõ địa chỉ. Anh chị sống ly thân từ đó và không còn quan tâm gì đến nhau. Anh H bực tức chặt quần áo và ảnh của chị O mang xuống nhà bố mẹ đẻ chị O vứt và gây sự, chửi bới, xúc phạm gia đình chị. Tháng 11 năm 2018, chị O không đi làm ăn xa nữa nhưng cũng không về chung sống cùng anh H mà về nhà bố mẹ đẻ ở C sinh sống. Anh H có đến tìm gặp chị nhưng chị O không muốn gặp. Do anh H thường xuyên dọa chị O gặp ở đâu sẽ đánh ở đó khiến chị rất sợ hãi, kiên quyết không sống chung cùng anh H nữa, đề nghị được ly hôn anh H. Anh H thừa nhận việc vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, anh đã xin lỗi chị O và gia đình chị nhưng không ai chấp nhận. Anh đã nhờ nhiều người động viên chị nhưng khi gặp được chị O, anh có nóng nẩy đe dọa, chửi bới, đập phá tài sản để muốn chị về đoàn tụ nhưng chị O cương quyết không về chung sống với anh. Nay anh cũng không còn biện pháp nào để cải thiện quan hệ vợ chồng nhưng anh không đồng ý ly hôn chị O vì nghĩ đến con cái.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung là Bùi Văn D sinh ngày 10/9/1996 và Bùi Xuân B sinh ngày 04/12/2011. Do cháu D đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên chị O anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị O có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Anh H có nguyện vọng xin đoàn tụ vợ chồng nên không trình bày quan điểm về con chung.

Về tài sản: Chị O và anh H xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của con chung Bùi Xuân B xác định không mong muốn bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở cùng với cả bố và mẹ.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị O ly hôn anh Bùi Văn H. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Bùi Xuân B sinh ngày 04/12/2011 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5 năm 2019 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh H tự nguyện không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Chị O có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/4/2019 anh Bùi Văn H kháng cáo bản án, không nhất trí ly hôn. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử để vợ chồng anh đoàn tụ. Anh có giao nộp tấm ảnh thể hiện việc anh tặng hoa chị H tại Tòa án để chứng minh tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Bùi Văn Hiền giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xử bác đơn xin ly hôn của chị O để vợ chồng anh đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư Ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm, anh H phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Văn H gửi đơn kháng cáo trong thời gian luật định, phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Hiền, HĐXX xét thấy: Chị Đào Thị O và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Anh chị có thời gian sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H chơi cờ bạc thua lỗ, gây thiệt hại kinh tế gia đình, anh còn chửi bới, xúc phạm và đánh chị. Vợ chồng thiếu lòng tin, thiếu tôn trọng nhau. Năm 2010 chị O đã có đơn xin ly hôn anh H nhưng được Tòa án và hai gia đình hòa giải, chị O đã rút đơn về đoàn tụ nhưng thuẫn vợ chồng vẫn chưa được cải thiện. Đến tháng 5 năm 2017, chị O đã tự ý bỏ đi làm ăn, không thông báo cho anh H biết. Anh Hiền chửi bới, xúc phạm gia đình chị O dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 đến nay. Xét quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị đã ở vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù anh H không đồng ý ly hôn chị O nhưng anh cũng không còn biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, việc anh H không đồng ý ly hôn chị O vì thương các con không phải lý do để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị O xử cho vợ chồng anh chị ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình. Tại cấp phúc thẩm anh Hi vẫn cho rằng còn tình cảm và yêu thương vợ con, cung cấp bản án về việc anh H tặng hoa chị O tại Tòa án và chị đã nhận hoa của anh. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, chị O đã bỏ đi làm ăn xa, anh H cũng không có biện pháp gì để tìm kiếm chị O về đoàn tụ. Từ phân tích trên, áp dụng Điều 308 của BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Văn Hi, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

[3] Về án phí: Kháng cáo của anh Bùi Văn H không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình) theo quy định.

[4] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Văn Hiền. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 06/2019/HNGĐ-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị O ly hôn anh Bùi Văn H,

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự (Hôn nhân và gia đình) phúc thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0001285 ngày 02/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

3. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *TAND thành phố Chí Linh;*
- *Chi cục T.H.A DS thành phố Chí Linh;*
- *UBND phường Bến Tắm, UBND phường Chí Minh thành phố Chí Linh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân